TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số 43 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 / 8/ 2017
(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên
-Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ, ông Nguyễn Xuân Trường.
-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên

Ngày 29/ 8/ 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/ 2017/ TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc " T/c Hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX- ST ngày 03/8/ 2017 giữa các đương sự:
1/ Nguyên đơn: Anh Vương Văn A - SN 1980 (Có mặt).
HKTT và nơi ở: Thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn,huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
2/ Bị đơn : Chị Trần ThịB - SN 1980 (Xin xét xử vắng mặt) .
HKTT và nơi ở: Thôn Chằm, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vương Văn A trình bày :

Anh A và chị Trần ThịB tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên tháng 01/ 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ngay, hạnh phúc được một thời gian thì tháng 4/ 2014 chịB bỏ về nhà bố mẹ ruột ở xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa sinh sống đến nay . Anh A và gia đình đã đến gia đình chịB đón chịB về đoàn tụ vợ chồng nhưng chịB không về .Vợ chồng sống ly thân từ tháng tháng 4/ 2014 đến nay; từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Nay anh A thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn chị Trần ThịB

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Sau khi bỏ về nhà mẹ ruột, năm 2016 thì chịB sinh 01 con nhưng anh A không biết họ tên và ngày, tháng, năm sinh. Do từ tháng 4/ 2014 đến nay vợ chồng ly thân không liên hệ với nhau nên không phải là con chung của vợ chồng. Do vậy ly hôn thì anh A yêu cầu chịB trực tiếp nuôi con .

Cấp dưỡng nuôi con: Anh A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ và công sức: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần ThịB (Vắng mặt tại phiên tòa), nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 13/ 7/ 2017 trình bày: ChịB và anh Vương Văn A tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên tháng 01/ 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ngay, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chậm có con chung, làm ăn không thuận lợi nên anh A hay đánh chửi chịB mà không ai trong gia đình anh A can ngăn. Do vậy từ tháng 4/ 2014 chịB bỏ về nhà bố mẹ ruột ở xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa sinh sống đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Nay chịB thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A yêu cầu ly hôn thì chịB đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần ThiênC- Sinh ngày 16/ 4/ 2016 hiện đang sinh sống cùng chịB. Do chịB sinh cháuC khi đã ly thân anh A nên khi đăng ký khai sinh cho cháuC, chịB ghi là Trần ThiênC chứ không ghi họ của anh A. Vợ chồng ly hôn thì chịB yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần ThiênC, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ và công sức: ChịB không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: ChịB vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chịB là đúng quy định tại điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân : Anh A và chịB có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy anh A khởi kiện ly hôn là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo điều 51-Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chịB và anh A phát sinh mâu thuẫn như chịB trình bày là vợ chồng chậm có con chung, làm ăn không thuận lợi nên anh A hay đánh chửi chịB. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/ 2014 đến nay; từ khi ly thân anh A và chịB không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống. Anh A yêu cầu ly hôn thì chịB đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chịB đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài ,do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A .

Về con chung: Anh A trình bày là vợ chồng không có con chung do từ tháng 4/ 2014 đến nay vợ chồng ly thân không liên hệ với nhau nhưng năm 2016 chịB mới sinh con nên không phải là con chung của vợ chồng.Tuy nhiên chịB xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần ThiênC- Sinh ngày 16/ 4/ 2016 hiện đang sinh sống cùng chịB. Như vậy, chịB sinh con là Trần ThiênC trong thời kỳ hôn nhân với anh A, anh A không thừa nhận cháuC là con chung của vợ chồng nhưng không có chứng cứ

gì; do vậy căn cứ theo khoản 1- Điều 88- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cháuC là con chung của anh A và chịB. Vợ chồng ly hôn thì chịB yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần ThiênC hiện đang dưới 36 tháng tuổi, anh A cũng đồng ý giao cháuC cho chịB trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của chịB, giao con chung Trần ThiênC cho chịB trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do chịB không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chịB, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con Trần ThiênC.

Tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ và công sức: Anh A và chịB đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấpBnh luật pháp của những người tham gia tố tụng , việc tiếnBnh thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng các điều 51,56, 58, 81, 82, 83, và 84, khoản 1, điều 88- Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147; 228, 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử :

Quan hệ hôn nhân : Anh A được ly hôn chịB.

Về con chung: Giao con chung Trần ThiênC cho chịB trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do chịB không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con Trần ThiênC.

Tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ và công sức: Anh A và chịB đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Án phí sơ thẩm : Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, khoản 1, điều 88- Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147; điều 228, điều 271 và điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án :

Về quan hệ hôn nhân : Anh Vương Văn A được ly hôn chị Trần ThịB.

Về con chung: Giao con chung Trần ThiênC- Sinh ngày 16/ 4/ 2016 cho chịB trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo điều 84- Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do chịB không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi con Trần ThiênC

Tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ và công sức: Không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm : Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm¸nhưng được trừ 300.000 tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/ 2016/ 0001568, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục ThiBnh án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Anh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

ChịB có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
-TAND T, BG
- VKSNDH. Hiệp Hòa
- THADSH. Hiệp Hòa,
- Đương sự .
-UBNDxã Tiên Sơn
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên